TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST
Ngày 10/3/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Ngọc Trung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Chu Xuân Toàn
2. Bà Mai Thị Thanh Hằng

Thư ký phiên toà: Ông Phan Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Xây – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn Tao Klăh, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
Bị đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn Tao Klăh, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022; biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2022; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Văn P tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Cuộc sống chung của chị và anh P sau khi chung sống hạnh phúc một thời gian, nhưng sau đó giữa anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hai bên thường xuyên cải vã dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Do mẫu thuẫn quá trầm trọng nên chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị thấy giữa chị

và anh Bùi Văn P không còn tình cảm yêu T nhau, nếu có tiếp tục chung sống với nhau cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết các yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Văn P.

- *Về việc nuôi con chung:* Chị và anh Bùi Văn P có 04 con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 18/01/2008; Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 05/11/2012; Bùi Ngô Linh Đ, sinh ngày 13/5/2014 và Buì Ngô Kim D, sinh ngày 10/9/2018. Hiện tại, tất cả các con chung đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Nếu được ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh P tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn P: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh Bùi Văn P đến tham gia phiên tòa nhưng anh tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy có một số vi phạm nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận chị Ngô Thị T với anh Bùi Văn P là vợ chồng.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị giao cho chị Ngô Thị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 18/01/2008; Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 05/11/2012; Bùi Ngô Linh Đ, sinh ngày 13/5/2014 và Buì Ngô Kim D, sinh ngày 10/9/2018. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Buộc chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Chị Ngô Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Bùi Văn P. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh P là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống thường xuyên tại thôn Tao Klăh, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Anh Bùi Văn P, đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị Ngô Thị T và anh Bùi Văn P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007. Tại thời điểm sống chung với nhau, hai bên đều đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống, dù đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng hai bên không đăng ký kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh P không được pháp luật công nhận là vợ chồng, theo quy định tại đoạn 3 khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (*Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)*.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận chị Ngô Thị T và anh Bùi Văn P là vợ chồng.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Qúa trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị T có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 18/01/2008; Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 05/11/2012; Bùi Ngô Linh Đ, sinh ngày 13/5/2014 và Buì Ngô Kim D, sinh ngày 10/9/2018. Chị không yêu cầu anh Bùi Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện tại chị Ngô Thị T đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, kể từ khi chị và anh P sống ly thân *(Năm 2018)* đến nay việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đều do một mình chị đảm nhận mà không có sự chu cấp hay hỗ trợ từ anh P nhưng chị vẫn đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung đầy đủ. Hiện tại, chị có công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của con chung, bản thân anh P không có việc làm và thu nhập ổn định. Qua việc ghi nhận nguyện vọng của con chung thấy rằng, các cháu có nguyện vọng muốn được sống với chị sau khi vợ chồng chị ly hôn. Xét nguyện vọng nuôi con của chị Ngô Thị T trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung, thấy rằng cần tiếp tục

giao cho chị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung.

Căn cứ các Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Ngô Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 18/01/2008; Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 05/11/2012; Bùi Ngô Linh Đ, sinh ngày 13/5/2014 và Buì Ngô Kim D, sinh ngày 10/9/2018. Anh Bùi Văn P không phải cấp dưỡng nuôi chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí

Chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 khoản 1 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

***** *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Ngô Thị T và anh Bùi Văn P là vợ chồng.

***** *Về việc nuôi con chung:* Giao cho chị Ngô Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 18/01/2008; Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 05/11/2012; Bùi Ngô Linh Đ, sinh ngày 13/5/2014 và Buì Ngô Kim D, sinh ngày 10/9/2018. Anh Bùi Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của chị Ngô Thị T tính từ ngày 10/3/2023 cho đến lúc con chung thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Bùi Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền và lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

* Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

**** Về án phí:*** - Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001186 ngày 08/11/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành án phí sung Công quỹ.

- Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/3/2023. Anh Bùi Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hàn án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chư Pưh;
- Chi cục THA DS huyện Chư Pưh;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đặng Ngọc Trung